

CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG QUỐC TẾ ĐẠI NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG QUỐC TẾ ĐẠI NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DAI NAM INTERNATIONAL MEDIA COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: DAI NAM IML CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109808613

3. Ngày thành lập: 09/11/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

số 6, ngõ 43, phố Hương Viên, Phường Đồng Mác, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0981551983

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) Chi tiết: Loại trừ hoạt động đầu giá	4512
2.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Đại lý phụ tùng và bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống). Loại trừ hoạt động đầu giá Chi tiết: Loại trừ hoạt động đầu giá	4513
3.	Bán mô tô, xe máy	4541
4.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Chi tiết: Loại trừ hoạt động đầu giá	4543
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, môi giới bán hàng hóa	4610
6.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Không hoạt động tại trụ sở	4632
7.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chi tiết: bán buôn dụng cụ y tế	4649
8.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
9.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
10.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
11.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép	4669
12.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
13.	Trồng cây ăn quả	0121

14.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
15.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
16.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
17.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Tổ chức sự kiện, hội thảo, hội nghị, hội chợ triển lãm	8230
18.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
19.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Tư vấn giáo dục (trừ tư vấn pháp luật)	8560
20.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
21.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
22.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Loại trừ hoạt động của các sàn nhảy, Hoạt động của các phòng hát karaoke.	9329
23.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
24.	Cổng thông tin Chi tiết: Dịch vụ thương mại điện tử	6312
25.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh Bất động sản (Điều 10 Luật Kinh doanh bất động sản 2014)	6810
26.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản; (Điều 62 Luật kinh doanh Bất động sản 2014) - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; (Điều 69 Luật kinh doanh Bất động sản 2014) - Dịch vụ tư vấn bất động sản; (Điều 74 Luật kinh doanh Bất động sản 2014) - Dịch vụ quản lý bất động sản (Điều 75 Luật kinh doanh Bất động sản 2014).	6820
27.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
28.	Quảng cáo Chi tiết: Quảng cáo thương mại	7310(Chính)
29.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận Chi tiết: Nghiên cứu thị trường	7320
30.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình)	7410
31.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động phiên dịch.	7490

32.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
33.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt Chi tiết: Không hoạt động tại trụ sở	1010
34.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
35.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
36.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
37.	In ấn	1811
38.	Dịch vụ liên quan đến in Chi tiết: Thiết kế các sản phẩm in như bản phác thảo, maket, bản nháp.	1812
39.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh Chi tiết: Sản xuất mỹ phẩm (không hoạt động tại trụ sở)	2023
40.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
41.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
42.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính) Chi tiết: Sản xuất văn phòng phẩm, thiết bị văn phòng	2817
43.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
44.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	4932
45.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
46.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
47.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
48.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
49.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
50.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
51.	Bốc xếp hàng hóa chi tiết: bốc xếp hàng hóa cảng biển	5224
52.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: đại lý tàu biển, đại lý vé máy bay, ô tô, tàu hỏa.	5229
53.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5510
54.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng	5610
55.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621

56.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Sản xuất chương trình truyền hình (trừ hoạt động sản xuất phim, phát sóng; không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	5911
57.	Hoạt động hậu kỳ	5912
58.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5913
59.	Hoạt động chiếu phim	5914
60.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc	5920
61.	Hoạt động truyền hình	6021
62.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Dịch vụ giới thiệu việc làm.	7810
63.	Đại lý du lịch chi tiết: kinh doanh lữ hành quốc tế	7911
64.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch Chi tiết: Tư vấn, đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch.	7990
65.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn Chi tiết: Dịch vụ bảo vệ an toàn	8020
66.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác Chi tiết: Photo, chuẩn bị tài liệu	8219
67.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất, gia công bảng hiệu, hộp đèn, pano quảng cáo (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện, sản xuất gốm, sứ, thủy tinh, chế biến gỗ tại trụ sở chi nhánh)	3290
68.	Xây dựng nhà để ở	4101
69.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
70.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
71.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm (Trừ dược phẩm)	4772

6. Vốn điều lệ: 8.500.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN MINH TRANG	Việt Nam	142 nhà B TT Viện VSDT, Phường Đồng Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	3.400.000.000	40,000	001183000004	
2	TẠ THỊ LAN	Việt Nam	142 khu B TT Vệ sinh dịch tễ, Phường Đồng Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	5.100.000.000	60,000	001158020079	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TẠ THỊ LAN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc*

Sinh ngày: 28/05/1958

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001158020079

Ngày cấp: 01/03/2021

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý Hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *142 khu B TT Vệ sinh dịch tễ, Phường Đồng Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *142 khu B TT Vệ sinh dịch tễ, Phường Đồng Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội